

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 16 - 01 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Huân và bà Hà Thị Vân Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXX-ST ngày 12 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1986; nơi ĐKKHKT: Xóm 6 (nay là thôn 2), xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: Thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai, có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1991; nơi ĐKKHKT: Xóm 6 (nay là thôn 2), xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. Chị K đang ở Trung Quốc. Hiện nay đã về Việt Nam và ở tại xóm 6, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai có trong hồ sơ vụ án, thì nội dung vụ án được xác định như sau: Anh Phạm Văn H và Chị Nguyễn Thị K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai ngày 04/6/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh H là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Năm 2017, chị K sang Trung Quốc lao động, thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc, nhưng sau đó do mâu thuẫn, không có tiếng nói chung nên anh chị không liên lạc với nhau nữa, chị Hòa cũng không cho anh biết địa chỉ của chị ở Trung Quốc. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không

còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị K ly hôn.

Chị K có quan điểm: Về thời gian, địa điểm kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như anh H trình bày là đúng. Năm 2017, chị sang Trung Quốc lao động và ngày 29/12/2022 chị về Việt Nam thăm gia đình và được biết anh H đang có đơn đề nghị Tòa án tỉnh Hà Nam giải quyết việc ly hôn của vợ chồng chị. Chị nhất trí và đề nghị Tòa án tỉnh Hà Nam giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị xác định có 02 con chung là cháu Phạm Minh H, sinh ngày 20/01/2011 và cháu Phạm Phương T, sinh ngày 09/7/2013. Khi ly hôn, anh H đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho anh nuôi dưỡng, không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con. Chị K nhất trí với anh H về phần con chung.

Về tài sản chung, riêng, công nợ, công sức đóng góp và ruộng cấy nông nghiệp và các vấn đề khác: Vợ chồng anh chị không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh H tự nguyện nộp toàn bộ án phí của anh và chị K.

Ngoài ra, anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề nào khác nữa.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Anh Phạm Văn H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn Chị Nguyễn Thị K và xin nuôi hai con chung, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS 2015.

- Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1/ Xử thuận tình ly hôn giữa Anh Phạm Văn H và Chị Nguyễn Thị K.

2/ Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị, giao cháu Phạm Minh H, sinh ngày 20/01/2011 và cháu Phạm Phương T, sinh ngày 09/7/2013 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Án phí ly hôn sơ thẩm, anh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ cả trong hồ sơ vụ án và trực tiếp xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Văn H xin ly hôn Chị Nguyễn Thị K nhưng không cung cấp được địa chỉ của chị K ở Trung Quốc. Theo Công văn số 23309/QLXNC-P5 ngày 02/11/2022 của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh về việc

cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Chị Nguyễn Thị K xác định chị K xuất cảnh vào ngày 20/01/2020 qua cửa khẩu Nội Bài và hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Thông qua thân nhân của chị K là bà Nguyễn Thị C - mẹ đẻ chị K, xác định chị K đang ở Trung Quốc vẫn liên lạc qua Zalo với gia đình, nhưng địa chỉ cụ thể bà không biết. Tòa án đã 02 lần giải thích pháp luật, yêu cầu bà Chung cung cấp địa chỉ của chị K nhưng bà không cung cấp và không thực hiện thông báo cho chị K biết Tòa án tỉnh Hà Nam đang giải quyết việc xin ly hôn giữa anh H, chị K để chị K gửi lời khai về Tòa án nên Tòa án xác định chị K cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho Tòa án và Tòa án đã thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ngày 29/12/2022 chị K về Việt Nam và ngày 06/01/2023, Tòa án lập biên bản làm việc trực tiếp với chị K, quan điểm của chị K đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn, nhất trí giao hai con chung cho anh H nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con, chị xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị K theo thủ tục chung quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 2 Điều 38 Bộ luật tố dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn H và Chị Nguyễn Thị K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai vào ngày 04/6/2010, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Nay anh H và chị K đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên anh chị đều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Do đó, căn cứ vào Điều 55, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử công nhận thuận tình ly hôn cho Anh Phạm Văn H và Chị Nguyễn Thị K là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng xác định có 02 con chung là cháu Phạm Minh H, sinh ngày 20/01/2011 và cháu Phạm Phương T, sinh ngày 09/7/2013. Khi ly hôn, anh H, chị K thống nhất giao cháu H và cháu T cho anh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, chị K không phải cấp dưỡng nuôi chung. Xét thấy, việc thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, riêng, công nợ, công sức đóng góp và ruộng cấy nông nghiệp và các vấn đề khác: Vợ chồng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh H tự nguyện nộp toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm của hai vợ chồng. nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này của anh H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ vào các Điều 55, 59, 81, 82, 83, 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa Anh Phạm Văn H và Chị Nguyễn Thị K.

2. Về con chung: Giao Anh Phạm Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Minh Hiếu, sinh ngày 20/01/2011 và cháu Phạm Phương Thảo, sinh ngày 09/7/2013 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được, chị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn H và chị Phạm Thị Kiều mỗi người phải chịu 75.000đ. Anh H tự nguyện nộp toàn bộ án phí của anh và của chị Hòa nên anh H phải chịu 150.000đ. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh H đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam theo biên lai số 0001507 ngày 10/10/2022. Trả lại cho Anh Phạm Văn H 150.000đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Văn San